

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020**

### **Phần thứ nhất**

#### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

#### **I - NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tổng quát**

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân (2011-2015) theo giá cố định năm 1994 ngành nông - lâm - thủy sản ước đạt 4,81%/năm (chỉ tiêu Nghị quyết 6,5%/năm); cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2015 ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 30% (chỉ tiêu Nghị quyết là 26,2%).

##### **2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cụ thể bình quân 5 năm giai đoạn 2011 - 2015**

- Sản lượng lương thực cây có hạt đạt 690.168,1 tấn, tăng 6,4% so với bình quân 5 năm trước.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá cố định 1994 đạt bình quân 11%/năm. Giá trị sản xuất chăn nuôi đạt gần 50%.

- Toàn tỉnh đã tiến hành thực hiện khoán bảo vệ rừng 102.587 ha (chủ yếu là rừng tự nhiên); khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là 11.211 ha; trồng rừng được 9.777 ha; độ che phủ rừng đạt 48,6%, tăng 12,5% so với bình quân 5 năm trước và tăng hơn chỉ tiêu Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII là 1,3%.

- Sản lượng khai thác thủy sản đạt là 187.294 tấn, tăng 42,9% so với bình quân 5 năm trước, trong đó: Sản lượng khai thác đạt 178.177 tấn; sản lượng nuôi trồng ước đạt 9.117 tấn, sản lượng tôm nuôi ước đạt 5.710 tấn.

- Là tỉnh dẫn đầu về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của khu vực Duyên hải Nam Trung bộ. Đến hết năm 2015, đã có 28 xã/122 xã đạt

chuẩn nông thôn mới đạt 23%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII đề ra là 3% (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội là 20%).

- Thực hiện các chỉ tiêu khác trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII (2011 - 2015):

+ Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới đến cuối năm 2015 là 91,4%, trong đó tưới chủ động, ổn định là 85%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

+ Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh để sử dụng đến năm 2015 đạt 95%, trong đó sử dụng nước sạch đạt QCVN (Quy chuẩn 02) Bộ Y tế đạt 57%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh để sử dụng đạt tỷ lệ 67%.

+ Giai đoạn 2012 - 2015, đã bê tông được 1.703 km đường giao thông nông thôn các loại; cơ bản 100% số xã có đường giao thông được bê tông hóa, hoặc nhựa hóa đến trụ sở ủy ban nhân dân xã; tính đến cuối năm 2015 có 2.761 km/3.585 km đường giao thông nông thôn các loại trên địa bàn tỉnh được bê tông hoặc nhựa hóa, chiếm 77,0%, toàn tỉnh có 54,1% số xã đạt tiêu chí giao thông. Giai đoạn 2013 - 2015 đã kiên cố được 398,3 km kênh mương nội đồng, nâng tổng số chiều dài kênh mương được đầu tư kiên cố đến nay là 1.325 km/2.944 km kênh mương các loại (chiếm 45,0% tổng chiều dài kênh mương hiện có), toàn tỉnh có 54,9% số xã đạt tiêu chí thủy lợi.

+ Toàn tỉnh có 139 chợ nông thôn, trong đó chợ hạng II là 10 chợ (chiếm 7,2%) và chợ hạng III là 129 chợ (chiếm 82,8,7%). Một số địa phương đã thực hiện xã hội hóa trong đầu tư xây dựng chợ, trong đó ngân sách địa phương hỗ trợ một phần, phần còn lại kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Đến nay, toàn tỉnh có 86,9% số xã đạt tiêu chí Chợ nông thôn.

+ Toàn tỉnh có 66 làng nghề được công nhận theo Nghị định 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Các làng nghề hoạt động trên lĩnh vực sản xuất công cụ, dụng cụ và hàng tiêu dùng, trồng cây hoa cảnh là những làng nghề hoạt động có hiệu quả.

## **II - HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Khó khăn, hạn chế**

- Tổ chức triển khai Đề án tái cơ cấu nông nghiệp và nông thôn còn chậm và lúng túng.

- Chính sách hỗ trợ tiêu thụ nông, lâm thủy sản và kết nối hộ nông dân với thị trường tiêu thụ còn chậm được ban hành và chưa đồng bộ; công tác xây dựng các thương hiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp chưa kịp thời.

- Sản xuất nông nghiệp những năm qua tuy có mức tăng trưởng nhưng chưa thật sự bền vững, nhất là khâu tiêu thụ sản phẩm đang là một vấn đề bức xúc đặt ra

trong sản xuất hiện nay. Khai thác đánh bắt xa bờ, chế biến thủy sản còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh.

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tuy đã có sự chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, chống người thi hành công vụ còn diễn ra ở một số địa phương nhưng chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả; chất lượng sản phẩm một số cây trồng, vật nuôi còn thấp, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến phát triển chưa bền vững.

- Mức thu nhập của hộ dân cư nông thôn tuy ngày càng được cải thiện, nhưng nhìn chung còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (13,35 % năm 2015), vẫn còn hộ nghèo mới và tái nghèo; tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề và tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên chưa cao.

- Các hình thức tổ chức dịch vụ ở nông thôn tuy tăng nhanh về số lượng, tạo kết quả bước đầu trong chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nhưng tính ổn định và hiệu quả chưa cao.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn còn khó khăn.

- Năng lực và số lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhất là cán bộ nông nghiệp ở cơ sở còn thiếu và yếu; chính sách, chế độ đãi ngộ còn bất cập. Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

## **2. Nguyên nhân**

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết thất thường như: bão, lụt, hạn hán... thường xảy ra đã tác động bất lợi đến sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Sản xuất Nông nghiệp của tỉnh còn theo phương thức nhỏ lẻ, diện tích manh mún, nên chưa tổ chức sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường và áp dụng rộng rãi tiến bộ khoa học công nghệ kỹ thuật.

- Giá một số sản phẩm nông nghiệp luôn biến động đã tác động mạnh vào sản xuất và gây khó khăn cho công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung.

- Thu nhập của nông dân chủ yếu là từ sản xuất nông nghiệp, với điều kiện nguồn lực rất hạn chế (đất đai, lao động, vốn) dẫn đến thu nhập rất bấp bênh.

Ngoài ra, tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp cũng tạo khó khăn cho người nông dân.

- Nguồn vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn tuy có tăng khá so với những năm trước, song chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là vốn đầu tư cho công tác thủy lợi, hạ tầng thủy sản...

- Việc chuyển đổi mô hình hợp tác xã kiểu mới còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của Chính phủ.

- Cơ chế, chính sách trong thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP về vay vốn đóng tàu, mua sắm trang thiết bị, ngư lưới cụ còn nhiều bất cập.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

#### **1. Mục tiêu**

##### ***1.1 - Mục tiêu tổng quát***

Giá trị tổng sản phẩm địa phương bình quân hàng năm (theo giá so sánh năm 2010) ngành nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,5%. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp 21%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 52%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 59% tổng số xã trong tỉnh.

##### ***1.2 - Mục tiêu cụ thể đến năm 2020***

a) Trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực cây có hạt: 674.880 tấn, trong đó: sản lượng lúa 580.480 tấn và ngô 94.400 tấn.

b) Chăn nuôi: Tổng đàn: bò 320.000 con, lợn 1.000.000 con, gia cầm 8.000.000 con; tỷ lệ bò lai đạt 85% tổng đàn; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 240.000 tấn.

c) Lâm nghiệp: Trồng rừng tập trung 9.000 ha. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 52%. Trồng rừng cây gỗ lớn 7.500 ha.

d) Thủy sản: Tổng sản lượng khai thác thủy sản 211.000 tấn, trong đó: Sản lượng khai thác thủy sản 195.000 tấn; sản lượng nuôi trồng thủy sản 16.000 tấn.

e) Chương trình xây dựng nông thôn mới: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 59% tổng số xã trong tỉnh.

g) Về thủy lợi phục vụ sản xuất: Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới 92,1%, trong đó: tưới bằng các công trình thủy lợi kiên cố đạt 87%.

h) Chương trình Quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Xây dựng và triển khai đề án “tăng cường năng lực công tác Quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Thực hiện số lượng mẫu kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2020 đạt 2.800 mẫu, gồm: Thủy sản 800 mẫu, thú y 800 mẫu và bảo vệ thực vật 1.200 mẫu. Kiểm tra và quản lý 100% các cơ sở sản xuất sản phẩm có nguồn gốc từ nông nghiệp. Xây dựng 42 điểm bán các sản phẩm an toàn.

- Xây dựng 5 vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn basicGAP (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành) ở An Nhơn, Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và mở rộng ở Hoài Nhơn, Phù Mỹ.

- Xây dựng 15 trang trại chăn nuôi heo theo tiêu chuẩn VietGAP; 4 vùng nuôi tôm theo tiêu chuẩn VietGAP.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp**

### ***2.1 - Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp***

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” tỉnh Bình Định giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của các hợp tác xã, tập trung sản xuất các sản phẩm có lợi thế, có thị trường, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của từng sản phẩm phù hợp với các quy hoạch lĩnh vực ngành đã phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các quy hoạch phát triển sản xuất để phục vụ tái cơ cấu ngành. Tổ chức rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới các quy hoạch sản phẩm chủ yếu phù hợp với cơ chế thị trường để làm cơ sở cho việc định hướng và phân bổ hợp lý, hiệu quả các yếu tố đầu vào (đất đai, tài nguyên, vốn, lao động, khoa học kỹ thuật...) phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn theo định hướng tái cơ cấu.

- Xây dựng các chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong sản xuất ngành nông nghiệp như: Mô hình sản xuất cây gỗ lớn; chuỗi sản xuất cây dược liệu sạch và sản phẩm ngoài gỗ dưới tán rừng; sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ; chuỗi liên kết khai thác, thu mua và xuất khẩu cá ngừ đại dương sang thị trường Nhật Bản; chuỗi sản xuất tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao siêu thâm canh, chuỗi giá trị sản xuất muối sạch theo công nghệ trái bọt. Thiết lập quan hệ hợp tác liên kết trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh

nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh; gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyên môn hóa sản xuất, đối với những sản phẩm có lợi thế; phát triển công nghiệp chế biến sâu, giảm chế biến thô và sơ chế, đồng thời quản lý chặt chẽ hiệu quả sản xuất đi đôi với giảm thất thoát, lãng phí sau thu hoạch.

- Tập trung hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp đang triển khai xây dựng các dự án đầu tư vào chăn nuôi heo cũi kỹ ở Phù Cát, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao ở huyện Phù Mỹ, lĩnh vực chế biến và các công ty đầu tư vào giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Tiếp tục giới thiệu các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh về nông nghiệp để kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư tại tỉnh Bình Định.

- Đẩy mạnh phát triển Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp. Phát huy vai trò của Hợp tác xã trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, tập trung hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn hiện nay cho các hợp tác xã. Chủ động tham mưu và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm đẩy mạnh củng cố và phát triển Hợp tác xã nông nghiệp. Xây dựng Đề án “Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020”.

- Tiếp tục phối hợp thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chú trọng, ưu tiên đào tạo các nghề phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh, các làng nghề, ngành nghề truyền thống.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý nhà nước ở các cấp. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân tham gia vào tiến trình phát triển nông nghiệp, góp phần thay đổi nhận thức của nông dân, qua đó phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nông dân trong xây dựng và phát triển nông nghiệp.

## ***2.2 - Tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ***

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ. Rà soát và tập trung chuyển đổi diện tích sản xuất 3 vụ lúa/năm bắp bênh, kém hiệu quả sang cơ cấu 2 lúa và 1 màu hoặc 1 lúa và 2 màu.

- Ổn định diện tích sản xuất lúa đến năm 2020 là 90.700 ha; tăng cường đầu tư thâm canh và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng năng suất lúa bình quân lên 64 tạ/ha. Quy hoạch và kêu gọi các doanh nghiệp liên kết sản xuất lúa giống, vùng sản xuất lúa chất lượng cao.

- Quy hoạch và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển vùng nguyên liệu lạc, ngô, mía, sắn... phục vụ công nghiệp chế biến theo hướng “cánh đồng liên kết lớn” và chuỗi giá trị bền vững ở những vùng sản xuất tập trung, chú trọng phát triển vùng nguyên liệu sắn cho Nhà máy chế biến tinh bột sắn ở Phù Mỹ, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn.

- Rà soát, thống kê về số lượng, phân tích chất lượng, tính toán điều kiện, hiệu quả của việc nuôi chim yến để xem xét bổ sung vào quy hoạch chăn nuôi của tỉnh.

### **2.3 - Xây dựng, nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung**

- Thông qua hợp tác xã hoặc tổ hợp tác xây dựng và kêu gọi các doanh nghiệp liên kết nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng sản xuất lúa giống, lạc tươi xuất khẩu. Thiết lập quan hệ hợp tác liên kết chặt chẽ trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư và nông dân.

- Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng công nghệ cao, xây dựng các vùng chuyên canh hoa, cây cảnh, các loại rau sạch, rau an toàn, chăn nuôi heo, bò thịt chất lượng cao và thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP; ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn, lai tạo giống, chuyển giao công nghệ và đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao. Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống cây trồng, vật tư, phân bón, nông sản an toàn. Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất trồng trọt để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho hộ nông dân.

- Tăng cường đầu tư công tác khuyến nông, xây dựng và chuyển giao nhanh các mô hình có hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cư dân nông thôn, hạn chế hóa chất thuốc bảo vệ thực vật đưa xuống đồng ruộng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng các đề án chuỗi giá trị ngành hàng và các dự án, mô hình sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và có xu hướng mở rộng và duy trì mối liên kết lâu dài. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên như: đất đai, nước tưới,... phù hợp với từng sản phẩm trên cơ sở lợi thế của từng vùng, vừa đảm bảo nâng cao giá trị sản xuất vừa bảo vệ môi trường sinh thái nông nghiệp.

- Xây dựng cánh đồng lớn gắn liền với cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ kỹ thuật và khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu nội đồng. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất cho từng cánh đồng hoặc cho từng vùng đối với từng loại sản phẩm cụ thể.

#### **2.4 - Khuyến khích phát triển các vùng chăn nuôi tập trung thâm canh theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao**

- Tiếp tục xây dựng các trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 đạt khoảng 21 trang trại. Nhân rộng mô hình các vùng chăn nuôi an toàn, chăn nuôi tập trung ở huyện Hoài Ân sang các vùng khác.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cơ sở, người chăn nuôi về Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung thực hiện và nhân rộng toàn tỉnh Đề án phát triển bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, phấn đấu đến năm 2020 xây dựng thương hiệu bò thịt chất lượng cao Bình Định.

- Giữ vững an toàn dịch bệnh thông qua việc xây dựng chương trình phòng chống dịch bệnh động vật, triển khai công tác tiêm phòng vaccine cho gia súc, gia cầm; kiểm soát không để dịch bệnh xảy ra và lây lan. Xây dựng lò mổ gia súc, gia cầm tập trung; kiểm soát và quản lý chặt chẽ 100% cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

#### **2.5 - Tiếp tục phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh**

- Phát huy lợi thế và đẩy mạnh phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, sản xuất thủy sản đóng góp giá trị lớn trong ngành nông nghiệp. Tăng cường phát triển mạnh lực lượng sản xuất trong lĩnh vực thủy sản bao gồm cả nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Tăng tỷ trọng khai thác vùng khơi xa, giảm tỷ trọng sản lượng khai thác ven bờ để bảo vệ nguồn lợi thủy sản phát triển bền vững. Tập trung vào việc thúc đẩy khai thác thủy sản có trách nhiệm, sử dụng các công cụ khai thác làm giảm thiểu tác động đến các sinh cảnh và các loài đang bị đe dọa, bảo tồn nguồn tài nguyên phục vụ đời sống con người. Tăng mạnh đối tượng khai thác có giá trị kinh tế cao như cá ngừ, cá thu... và giảm sản lượng cá tạp.

- Xây dựng đội tàu dịch vụ hậu cần nghề cá giúp ngư dân bám biển lâu ngày, nâng cao hiệu quả khai thác.

- Đầu tư mới và cải tạo nâng cấp vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh có hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi tôm hoàn chỉnh, đồng bộ đáp ứng yêu cầu sản xuất đạt tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP). Hình thành 3 khu sản xuất thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại các xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; xã Cát Thành và Cát Hải, huyện Phù Cát. Xây dựng nâng cấp hạ tầng các vùng nuôi tôm bán thâm canh-thâm canh tập trung ở huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Tuy Phước để đảm bảo an toàn sinh học trong nuôi tôm.



- Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các dự án nuôi tôm theo công nghệ cao thân thiện với môi trường theo quy hoạch của tỉnh.

- Sử dụng, khai thác có hiệu quả các đầm và vùng ven biển của tỉnh, theo hướng đa lĩnh vực, phát triển hài hòa giữa các lợi ích kinh tế - xã hội vùng ven đầm, chú trọng công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phối hợp triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp ngăn chặn và xử lý các trường hợp gian dối trong việc lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP hỗ trợ giúp ngư dân yên tâm sản xuất khai thác xa bờ và đóng tàu công suất lớn để nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Có chính sách khuyến khích kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu gắn với các cảng cá tại các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát (nâng quy mô công suất chế biến bình quân đạt 21.000 tấn/năm, sản lượng xuất khẩu đạt 16.500 tấn/năm). Tập trung xây dựng hệ thống kho bảo quản và kho cấp đông tại các cảng cá, bến cá trong tỉnh. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào các lĩnh vực bảo quản và chế biến hải sản để giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng giá trị hàng hải sản xuất khẩu. Xây dựng và hoàn thiện các cụm chế biến tập trung đã được quy hoạch, đưa các cơ sở chế biến nhỏ lẻ vào các cụm chế biến tập trung, tạo điều kiện để các cơ sở này nâng cao công suất chế biến. Gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Tập trung nâng cấp các cơ sở hậu cần nghề cá, nạo vét luồng lạch tại các cảng cá, bến cá để tàu có công suất lớn có thể về cập cảng và bán nguyên liệu cho các cơ sở chế biến. Nâng cấp xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão Đề Gi và xây dựng cảng cá Tam Quan kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng. Tập trung kêu gọi các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có tiềm lực đầu tư 1 - 3 nhà máy chế biến hải sản tại khu vực huyện Phù Mỹ - Phù Cát gắn với vùng nguyên liệu là các loại tôm nuôi và cá biển có giá trị. Đầu tư 1 nhà máy chế biến hải sản tại khu vực huyện Hoài Nhơn gắn với Cảng cá Tam Quan.

- Triển khai thực hiện thành công và nhân rộng dự án chuyển giao công nghệ, ngư cụ của Nhật Bản để khai thác, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cá ngừ đại dương tỉnh Bình Định với mục tiêu xây dựng mô hình chuỗi liên kết nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm cá ngừ Bình Định, mở rộng thị trường, tăng thu nhập cho ngư dân, doanh nghiệp.

**2.6 - Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm. Đẩy mạnh việc chuyển giao và ứng dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nhất là ứng dụng công nghệ cao**

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức và bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, năng lực thực tế của đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp, đặc biệt là lực lượng khuyến nông cơ sở để nâng cao tính chuyên nghiệp, sâu sát với sản xuất và thiết thực với người nông dân.

- Tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ và những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển; chủ động tiếp cận, lựa chọn những tiên bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến có hiệu quả, có khả năng bứt phá, có sức lan tỏa nhanh và những mô hình tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả để chuyển giao vào sản xuất, phục vụ bà con nông dân tạo sự chuyển biến rõ rệt trên phạm vi rộng về chất lượng và hiệu quả kinh tế, bền vững về môi trường.

- Tạo điều kiện để thúc đẩy hoạt động tư vấn, dịch vụ khuyến nông phát triển, đề tư vấn, hướng dẫn nông dân sản xuất. Tăng cường và đổi mới hoạt động đào tạo huấn luyện cả về phương pháp và nội dung.

## **2.7 - Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Bảo vệ và phát triển rừng cho cán bộ và các tầng lớp nhân dân.

- Triển khai thực hiện tốt Quy chế hoạt động giữa lực lượng kiểm lâm với các lực lượng dân quân, công an và các lực lượng khác trong công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội và công tác bảo vệ rừng theo Nghị định số 74/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ.

- Tăng cường củng cố lực lượng kiểm lâm, nhất là lực lượng kiểm lâm địa bàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Bố trí đảm bảo lực lượng kiểm lâm thường trực, tăng cường tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các địa bàn trọng yếu, các điểm nóng để chủ động ngăn chặn kịp thời tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng và khai thác lâm sản trái pháp luật, không để xảy ra “điểm nóng” về khai thác rừng trái phép. Đảm bảo vấn đề môi trường và an ninh trật tự trong công tác bảo vệ rừng.

- Điều tra làm rõ các đối tượng đối với các vụ việc vi phạm xảy ra trên địa bàn để xử lý theo quy định; nắm rõ các đối tượng khai thác, mua bán, chế biến, kinh doanh, tiêu thụ lâm sản trái với các quy định của nhà nước để có biện pháp đấu tranh, giám sát chặt chẽ, xử lý nghiêm minh đối với các đối tượng này.

- Chính quyền các địa phương tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã theo quy định, trong đó lực lượng kiểm lâm làm nòng cốt. Tổ chức có hiệu quả các tổ, đội quân chúng bảo vệ rừng với nòng cốt là lực lượng dân quân, kịp thời ngăn chặn các hành vi phá rừng.

- Cùng cố hệ thống khuyến lâm ở cơ sở, đặc biệt những xã có nhiều rừng và đất rừng, các địa bàn vùng sâu, vùng xa, tăng cường công tác khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xây dựng trang trại, vườn đồi rừng, mô hình trồng rừng kinh tế thâm canh chất lượng cao.

- Tổ chức tốt công tác trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, rừng môi trường cảnh quan; tiếp tục triển khai Đề án Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý chặt chẽ, kịp thời điều chỉnh những bất hợp lý quy hoạch 3 loại rừng; xây dựng đồng bộ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện, cấp xã (theo Thông tư số 05/2008/TT- BNN); tiếp tục hoàn thành việc giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất cho thuê đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, thực hiện xã hội hóa lâm nghiệp cho các năm tiếp theo.

**2.8 - Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích đồn điền đổi thửa để xây dựng các cánh đồng lớn**

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Lựa chọn lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh để triển khai và tạo điều kiện kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Đồng thời thiết lập quan hệ hợp tác liên kết trong sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường kêu gọi xã hội hóa nguồn lực đầu tư đối với các công trình, dự án có tính chất xã hội hóa cao, nhất là các đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công; tăng cường tranh thủ mọi nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, đảm bảo sử dụng vốn đầu tư hiệu quả.

- Triển khai theo lộ trình thứ tự ưu tiên các chương trình, đề án, dự án từng lĩnh vực tại đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được phê duyệt gắn với các quy hoạch và tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để tiếp tục thực hiện và triển khai thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đã được phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện thí điểm việc dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng để xây dựng các cánh đồng lớn, thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, đẩy nhanh tiến trình cơ giới hóa, hiện đại

hóa sản xuất nông nghiệp để phát triển sản xuất hàng hóa, kinh doanh, dịch vụ, thực hiện phân công lại lao động nông thôn.

### ***2.9 - Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020***

- Tập trung thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng cơ bản trên địa bàn xã, thôn (giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi), hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân.

- Tăng cường thu hút các nguồn lực và lồng ghép các Chương trình, dự án thực hiện Chương trình phấn đấu đến năm 2020 có thêm 44 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Năm 2016 đạt 10 xã; năm 2017 đạt 10 xã; năm 2018 đạt 10 xã, năm 2019 đạt 8 xã, năm 2020 đạt 6 xã. Đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 72 xã, đạt 59 % và 4 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Hoài Nhơn.

- Duy trì, xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở mức cao hơn cho các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2010 - 2015, nhất là đối với các tiêu chí về tổ chức sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an ninh trật tự, quốc phòng ngày càng tốt hơn để nông thôn mới phát triển bền vững. Xây dựng kế hoạch, tiến độ và giải pháp cụ thể cho các xã, huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 và có giải pháp xây dựng nông thôn mới cho các xã tham gia sau giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020.

### ***2.10 - Chương trình Quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản***

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tác hại của thực phẩm không an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Kiểm soát và ngăn chặn không để sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong ngưỡng cho phép của các sản phẩm cây trồng.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm thủy sản ở các cảng cá và bến cá, vùng nuôi đảm bảo không sử dụng các chất bảo quản.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản từ tỉnh đến cơ sở.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp một số thiết bị để xây dựng 1 phòng thí nghiệm của ngành nông nghiệp đủ năng lực phân tích, kiểm nghiệm theo yêu cầu. Đồng thời, trang bị những thiết bị cơ bản cho các cơ quan chuyên môn, đặc biệt là cơ quan đầu mối (Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản) như thiết bị kiểm nghiệm nhanh các chỉ tiêu an toàn thực phẩm phục vụ các công tác thường xuyên.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xếp loại đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản; thực phẩm có nguy cơ không an toàn. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

### ***2.11 - Lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai***

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa nước để cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân: Đến năm 2020, tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới 92.1%, trong đó: tưới bằng các công trình thủy lợi kiên cố đạt 87%.

- Tranh thủ nguồn vốn của Trung ương để triển khai xây dựng mới hồ Đồng Mít, xây dựng hồ Đá Mài, hồ Suối Lớn và đập dâng Hà Thanh 1.

- Triển khai chính sách kiên cố hoá kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2016 - 2020.

b) Chống sạt lở bờ sông, bờ biển; cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng, chống xâm nhập mặn:

- Triển khai dự án cấp bách tiêu thoát lũ hạ lưu sông Hà Thanh giải quyết được tiêu thoát lũ và ngăn mặn cho Nhơn Phú, Nhơn Bình, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân (Quy Nhơn), thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, xã Phước Nghĩa, Phước Thuận (Tuy Phước).

- Triển khai dự án hệ thống đê ngăn mặn đầm Đê Gi, kè chống xói lở bờ biển Tam Quan Hoài Nhơn; đê kè bảo vệ các khu dân cư ven biển, ven sông.

c) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Quản lý hệ thống tưới, tiêu, điều tiết nước hợp lý bảo đảm nước tưới cho cây trồng và chống ngọt hóa đầm Thị Nại.

- Từng bước đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống kênh để cấp nước cho nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Đến năm 2020 khắc phục một bước vùng thiếu nước ở phía Bắc huyện Phù Mỹ, cung cấp nước ngọt cho nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi.

d) Cấp nước sạch nông thôn và quản lý, vận hành tốt các công trình cấp nước: Đến năm 2020, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

- Đẩy mạnh xã hội hoá công trình cấp nước tập trung, kêu gọi nhà đầu tư bằng chính sách ưu đãi của tỉnh; nâng cấp cải tạo các công trình cấp nước sạch hiện có.

- Đầu tư xây dựng mới 3 công trình cấp nước sạch tập trung có quy mô vừa và lớn tại các vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn ở khu vực nông thôn gồm: Cấp nước Nhơn Hậu - Nhơn Mỹ, cấp nước Cát Tài - Cát Minh, cấp nước Bình Nghi - Tây Xuân.

- Kiện toàn hệ thống quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn chuyển dần từ phục vụ sang dịch vụ.

e) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện lập và quản lý sử dụng hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai. Trình duyệt và triển khai thực hiện Đề án Quản lý đô thị nhân dân.

### **Phần thứ ba**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng; các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể các cấp trong tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, quán triệt và xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình hành động này.

2. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và các đề án cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình.

3. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình hành động giúp Tỉnh ủy chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện; định kỳ sơ, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Chương trình hành động trên địa bàn tỉnh./.

**T/M TỈNH ỦY**  
**BÍ THƯ**  
(Đã ký và đóng dấu)  
**Nguyễn Thanh Tùng**

-----  
**HUYỆN ỦY TUY PHƯỚC**

*Sao lục*

\*  
Số 80-BS/HU

*Tuy Phước, ngày 17 tháng 11 năm 2016*

- Nơi nhận:
- Các đ/c HUV;
  - HDND&UBND huyện;
  - Các Ban XĐĐ của HU;
  - Các tổ chức CSD trực thuộc HU;
  - Lưu VPHU.



